

Bản án số: **83/2024/HS-ST**

Ngày: 05 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhơn

Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 205/TB-HS ngày 14 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Quang V, sinh ngày 23 tháng 11 năm 1982 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ B, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang V1 và bà Nguyễn Trần Thị L; vợ là Huỳnh Thị H; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 3/2022 bị cáo có hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; ngày 14/9/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi tuyên phạt số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; đã thi hành xong bản án vào ngày 04/9/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/01/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày: 06/5/1990; nơi cư trú: Nhà số A đường H, tổ C, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Võ Thị Kim H1, sinh ngày: 12/9/1983; nơi cư trú: Tổ B, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa;

2. Bà Trần Thị T, sinh ngày: 10/6/1959; nơi cư trú: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt tại phiên tòa;
3. Anh Huỳnh Văn H2, sinh ngày: 20/02/1984; nơi cư trú: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa;
4. Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày: 22/12/1989; nơi cư trú: Tổ A, Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa;
5. Chị Võ Thị L1, sinh ngày: 26/8/1980; nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa;
6. Chị Nguyễn Thị Minh T1, sinh ngày: 13/5/1989; nơi cư trú: Tổ D, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa;
7. Bà Nguyễn Thị H3, sinh ngày: 05/5/1950; nơi cư trú: Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa;
8. Chị Tô Thị Mỹ D, sinh ngày: 29/11/1991; nơi cư trú: Tổ H, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa;
9. Anh Đoàn Xuân N1, sinh ngày: 10/10/1987; nơi cư trú: Tổ B, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
10. Chị Huỳnh Thị H, sinh ngày: 10/9/1983; nơi thường trú: Tổ A, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở hiện tại: Thôn S, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt tại phiên tòa;
11. Chị Trần Thị Đài T2, sinh ngày: 26/12/1978; nơi thường trú: Tổ B, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi ở hiện tại: thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa;
12. Chị Đặng Thị Kim A, sinh ngày: 01/01/1972; nơi cư trú: Tổ B, Phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/10/2018, Trần Quang V được Phòng C Công an tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022469, biển đăng ký 76A-081.82, số máy G4LA JP049895, số khung 51M5JC135727, loại xe ô tô con, màu trắng, nhãn hiệu KIA MORNING, đăng ký lần đầu.

Quá trình làm ăn đến cuối tháng 4/2022, V nợ rất nhiều người và không còn nguồn tiền để trả nợ, trong đó V nợ ông Đoàn Xuân N1 số tiền 50.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ, V không có tiền trả nợ nên V đưa giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 76A-081.82 của mình cho ông N1 để làm tin. Đến tháng 5/2022, V nảy sinh ý định sử dụng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của tiệm cầm đồ nên đặt trên 01 trang mạng xã hội facebook làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 76A-081.82 có nội dung giống với giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô thật của V và thanh toán tiền mặt với số tiền 400.000 đồng.

Ngày 06/6/2022, V điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 76A-081.82 và mang giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 76A-081.82 giả đến gặp bà Nguyễn Thị Hồng N là chủ tiệm cầm đồ Trần Q để liên hệ cầm cố tài sản. Tại đây, V nói cầm cố xe ô tô này và đưa giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cho bà N xem với mục đích để bà N tin tưởng xe này là của V. Sau khi, xem giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mà V đưa, bà N nghĩ là giấy đăng ký xe ô tô thật nên tin rằng xe ô tô của V thế chấp có tính pháp lý rõ ràng, bà N đồng ý và thỏa thuận sẽ cầm cố xe ô tô 76A-081.82 trong thời hạn 01 tháng với số tiền 180.000.000 đồng, lãi suất là 2%/tháng và hai bên lập, ký xác nhận hợp đồng cầm cố tài sản. V giao xe cùng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, giấy chứng nhận kiểm định và giấy phép lái xe hạng C của V cho bà N. Sau khi nhận tiền V sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Theo thỏa thuận về thời hạn cầm cố thì đến ngày 06/7/2022, V gặp bà N trả lãi 3.600.000 đồng và tiếp tục xin thế chấp xe ô tô thêm 01 tháng, đến ngày 06/8/2022 V cũng trả lãi 3.600.000 đồng và xin thế chấp thêm 01 tháng nữa nhưng sau đó V không có khả năng thanh toán tiền vay cho bà N và bỏ đi khỏi địa phương. Đến cuối năm 2023, bà N gọi bán xe ô tô trên để thu hồi vốn thì phát hiện giấy đăng ký xe mà V thế chấp là giấy tờ giả nên không bán xe ô tô 76A-081.82 được. Ngày 03/01/2024, bà N đến Phòng C1 Công an tỉnh Q để trình báo sự việc.

*** Kết quả giám định**

Tại Bản kết luận giám định số 26/KL-KTHS, ngày 17/01/2024 của Phòng C1 Công an tỉnh Q, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022469, do Phòng C Công an tỉnh Q cấp đề ngày 04/10/2018 đối với xe ô tô 76A-081.82 (do bà N cung cấp) gửi giám định ***là giấy giả***.

Tại Bản kết luận giám định số 532/KL-KTHS, ngày 04/6/2024 của Phòng C1 Công an tỉnh Q, kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 022469, đề ngày 04/10/2018 đối với xe ô tô 76A-081.82 (do ông Đoàn Xuân N1 cung cấp) gửi giám định ***là giấy thật***.

Tại Bản kết luận giám định số 543KL-KTHS, ngày 06/6/2024 của Phòng C1 Công an tỉnh Q, kết luận đối với xe ô tô mang biển kiểm soát 76A-081.82, số loại Morning, sơn màu Trắng, nhãn hiệu KIA:

+ Hàng chữ số máy: G4LA JP049895 không phát hiện dấu vết tẩy xóa, sửa chữa. Đây là hàng chữ số máy nguyên thủy của xe.

+ Hàng chữ số khung: RNYTB51M5JC135727 không phát hiện dấu vết tẩy xóa, sửa chữa. Đây là hàng chữ số khung nguyên thủy của xe.

Tại bản Cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 04/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Trần Quang Vương về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Trần Quang V phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quang V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quang V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/01/2024.

Về phần dân sự: Vợ chồng bị cáo Trần Quang V thỏa thuận chuyển nhượng xe ô tô 76A-081.82 cho bà Nguyễn Thị Hồng N để khấu trừ 180.000.000 đồng đã chiếm đoạt; bà N đồng ý nhận xe và không yêu cầu bị cáo V thanh toán thêm khoản tiền nào khác. Sự thỏa thuận của vợ chồng bị cáo V và bà N là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị công nhận.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị trả cho bị cáo điện thoại di động, xe ô tô và các giấy tờ liên quan; giấy đăng ký xe đã thu giữ là chứng cứ nên được lưu theo hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, 11 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[II] Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Quang V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Để có tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân nên bị cáo Trần Quang V đã đặt làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 76A-081.82 trên mạng xã hội. Sau đó, bị cáo đem xe ô tô biển kiểm soát 76A-081.82 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 76A-081.82 mà bị cáo đã

đặt làm giả đến gặp bà Nguyễn Thị Hồng N là chủ tiệm cầm đồ Trần Q để thế chấp vay tiền. Vì nghĩ giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 76A-081.82 mà bị cáo V đem đến thế chấp là thật nên bà N tin tưởng xe ô tô nói trên thuộc sở hữu của bị cáo V nên đồng ý cho bị cáo V cầm cố xe ô tô trên với số tiền 180.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Giữa bị cáo và bà N có lập, ký xác nhận hợp đồng cầm cố tài sản. Sau khi nhận tiền, bị cáo đã tiêu xài cá nhân và không có khả năng trả lại tiền cho bị hại Nguyễn Thị Hồng N. Đến cuối năm 2023, bà N bán xe ô tô biển kiểm soát 76A-081.82 để thu hồi vốn thì phát hiện Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô 76A-081.82 là giấy tờ giả.

Bị cáo đã đặt làm giấy tờ giả mục đích để sử dụng vào việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự của địa phương. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Trần Quang V về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[2.1] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mẹ bị cáo là người có công cách mạng; bị cáo tự nguyện chuyển nhượng lại xe ô tô 76A-081.82 cho bị hại Nguyễn Thị Hồng N để khấu trừ số tiền 180.000.000 đồng đã chiếm đoạt, bị hại Nguyễn Thị Hồng N xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đối với tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.2] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Về phần dân sự: Căn cứ các Biên bản thỏa thuận Dân sự lập ngày 11 và 12 tháng 6 năm 2024 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q (Bút lục 774, 775) bị cáo Trần Quang V, vợ bị cáo V là chị Huỳnh Thị H thỏa thuận giao xe ô tô 76A-081.82 cho chị Nguyễn Thị Hồng N để khấu trừ 180.000.000 đồng bị cáo V đã chiếm đoạt; chị N đồng ý nhận xe và không yêu cầu bị cáo V thanh toán thêm khoản tiền nào khác. Sự thỏa thuận của vợ chồng bị cáo V và chị N là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại Iphone 7, màu đen, số IMEI 355824085429458, có gắn sim điện thoại số 0908379210, điện thoại cũ, vỡ màn hình không liên quan đến hành vi phạm tội nên hoàn trả cho bị cáo Trần Quang V;

- Hoàn trả cho bị cáo Trần Quang V căn cước công dân và Giấy phép lái xe hạng C mang tên bị cáo;

- Tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 76A-081.82, nhãn hiệu KIA MORNING, màu trắng; Giấy đăng ký xe 76A-081.82; Giấy chứng nhận kiểm định số DA 0147701, ngày 27/01/2022 để đảm bảo thi hành án cho chị Nguyễn Thị Hồng N.

[5] Đối với trường hợp bà Võ Thị Kim H1; ông Huỳnh Văn H2; bà Trần Thị T; bà Nguyễn Thị Ngọc M; bà Võ Thị L1; bà Nguyễn Thị Minh T1; bà Nguyễn Thị H3; bà Tô Thị Mỹ D:

- Từ giữa năm 2016 đến giữa năm 2018, bà Võ Thị Kim H1 góp vốn kinh doanh nhiều lần cho công ty của bị cáo V với tổng số tiền là 1.600.000.000 đồng. Ngày 20/7/2018, bà H1 và bị cáo V xé bỏ giấy tờ các lần góp vốn trước đó và viết ký lại thành một hợp đồng góp vốn. Sau đó, bị cáo V trả gốc cho bà H1 được số tiền là 100.000.000 đồng. Hiện nay, bị cáo V còn nợ bà H1 số tiền là 1.500.000.000 đồng.

- Ngày 30/5/2017, ông Huỳnh Văn H2 góp vốn kinh doanh cho công ty của bị cáo V số tiền là 200.000.000 đồng. Đến ngày 01/12/2020, bị cáo V mượn ông H2 số tiền là 430.000.000 đồng để kinh doanh và hứa trong vòng 01 tháng sẽ trả lại ông H2 50% số tiền mượn. Sau đó, bị cáo V viết giấy mượn tiền đưa cho ông H2 để làm tin nhưng trong giấy mượn tiền ghi cộng thêm khoản góp vốn trước đó nên thành số tiền 630.000.000 đồng. Đến hạn, bị cáo V không có tiền trả cho ông H2 nên đề nghị ông H2 chuyển số tiền mượn thành số tiền góp vốn kinh doanh thì ông Hòa đồng ý. Hiện nay, bị cáo V còn nợ ông H2 số tiền là 630.000.000 đồng.

- Từ đầu năm 2018 đến ngày 06/7/2022, bà Trần Thị T cho bị cáo V vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 880.000.000 đồng. Khi vay tiền, bị cáo V không nói với bà T sẽ sử dụng tiền vào công việc cụ thể gì và bà T cũng không quan tâm, không hỏi mục đích vay, bị cáo V viết giấy mượn tiền đề ngày 06/7/2022. Hiện nay, bị cáo V còn nợ bà T số tiền 880.000.000 đồng.

- Ngày 05/12/2019, bà Nguyễn Thị Ngọc M góp vốn kinh doanh cho công ty của bị cáo V số tiền là 400.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 02/2022, V trả số tiền gốc cho bà M là 50.000.000 đồng. Hiện nay, V còn nợ bà M số tiền 350.000.000 đồng.

- Ngày 25/8/2022, bà Võ Thị L1 cho bị cáo V mượn số tiền là 200.000.000 đồng để làm nhà, thực tế bị cáo V có làm nhà nhưng chưa làm xong. Sau đó, bị cáo V đã lại cho bà L1 số tiền là 14.000.000 đồng. Hiện nay, bị cáo V còn nợ bà L1 số tiền là 186.000.000 đồng và bà L1 đã tự nguyện rút đơn yêu cầu.

- Ngày 01/12/2021, bà Nguyễn Thị Minh T1 cho bị cáo V vay số tiền 200.000.000 đồng để giải quyết công việc cá nhân. Hiện nay, bị cáo V còn nợ bà T1 200.000.000 đồng.

- Từ tháng 02/2022, bà Nguyễn Thị H3 có bán nợ vật liệu xây dựng cho bị cáo V để làm nhà, thực tế bị cáo V có làm nhà nhưng chưa làm xong. Hiện nay, bị cáo V còn nợ số tiền là 122.187.000 đồng.

- Trước tháng 8/2022, bà Tô Thị Mỹ D cho bị cáo V vay tiền nhiều lần để giải quyết công việc cá nhân, bị cáo V đã trả một phần và còn nợ lại 490.000.000

đồng. Ngày 01/8/2022, bà D tiếp tục cho bị cáo V vay số tiền là 50.000.000 đồng để giải quyết công việc cá nhân. Bị cáo V viết giấy vay số tiền 540.000.000 đồng và đưa cho bà D để làm tin, còn giấy tờ xác nhận nợ trước đó thì xé bỏ. Hiện nay, bị cáo V còn nợ bà D số tiền là 540.000.000 đồng.

Qua điều tra, xác minh xác định các trường hợp góp vốn, vay tiền, mua bán trên không có dấu hiệu của tội phạm. Trong trường hợp các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự.

[6] Đối với thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29, địa chỉ số C, đường B, Phường L, thành phố Q:

Thửa đất này của vợ chồng bị cáo V đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc do cha mẹ ruột của bị cáo V cho. Ngày 15/02/2023, vợ chồng V bán thửa đất này cho bà Đặng Thị Kim A với số tiền là 2.800.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng V sử dụng số tiền bán đất này và mượn thêm tiền của gia đình mình để thanh toán khoản vay ngân hàng V2 với số tiền 3.200.000.000 đồng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đặng Thị Kim A. Qua điều tra xác định, thửa đất này không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo V nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, f Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Quang V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quang V phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang V 02 (H4) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”;

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang V 02 (Hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là 04 (B) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/01/2024.

2. Về dân sự: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Trần Quang V cùng vợ là chị Huỳnh Thị H với chị Nguyễn Thị Hồng N về việc bị cáo Trần Quang V và chị Huỳnh Thị H chuyển giao quyền sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 76A-081.82, số máy G4LA JP049895, số khung 51M5JC135727, loại xe ô tô con, màu trắng, nhãn hiệu KIA MORNING cho chị Nguyễn Thị Hồng N.

Chị Nguyễn Thị Hồng N được quyền đăng ký sở hữu để được cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô theo quy định của pháp luật.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự :

3.1 Hoàn trả cho bị cáo Trần Quang V 01 (một) điện thoại Iphone 7, màu đen, số IMEI 355824085429458, có gắn sim điện thoại số 0908379210, điện thoại cũ, vỡ màn hình; 01 (một) căn cước công dân và Giấy phép lái xe hạng C mang tên Trần Quang V;

3.2 Tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe ô tô biển kiểm soát 76A-081.82, nhãn hiệu KIA MORNING, màu trắng; Giấy đăng ký xe 76A-081.82; Giấy chứng nhận kiểm định số DA 0147701 đề ngày 27/01/2022 để đảm bảo thi hành án cho chị Nguyễn Thị Hồng N.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/7/2024 giữa Công an tỉnh Q và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, f Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Quang V phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 05/9/2024); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu án văn, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang